

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Phạm Văn Chiến*

Những năm qua trong bối cảnh Đảng và Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá, vừa hợp tác vừa đấu tranh; hoạt động viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) đã thu được những kết quả góp phần quan trọng vào mở rộng quan hệ đối ngoại, phát triển kinh tế trong nước và từng bước đưa nước ta chủ động hội nhập nền kinh tế toàn cầu. Hoạt động của các tổ chức PCPNN tại Việt Nam phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu đã giúp Việt Nam giải quyết được nhiều vấn đề xã hội nổi bật trong các chương trình xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động và đối với những vùng đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, một số vấn đề xã hội khác tiếp tục đặt ra cũng cần được cộng đồng tài trợ quan tâm như: hậu quả nặng nề của chiến tranh, môi trường sinh thái suy giảm, chất lượng dịch vụ y tế và giáo dục thấp, đại dịch HIV/AIDS lan rộng, khoảng cách giữa đô thị với nông thôn, đồng bằng với miền núi, người giàu với người nghèo, thất nghiệp và bán thất nghiệp tiếp tục gia tăng...

1. Những kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2006-2010, tổng giá trị cam kết của các tổ chức PCPNN viện trợ cho Việt Nam lên tới 283,631 triệu USD, giải

ngân được 250,532 triệu USD đạt mức bình quân hàng năm 56,726 triệu USD cam kết và 50,106 triệu USD giải ngân. Cùng với giá trị viện trợ gia tăng, số tổ chức PCPNN có quan hệ, hợp tác với Việt Nam cũng tăng lên đáng kể, từ 553 tổ chức năm 2006 lên 625 tổ chức năm 2010 (Ban điều phối Viện trợ nhân dân (PACCOM), 2011)

Thực tế diễn ra thời gian qua là những địa phương nhận được viện trợ nhiều thường là các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh ở miền Trung như Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam và Quảng Ngãi. Theo PACCOM, ngoài lợi thế địa lý, đặc điểm và điều kiện cụ thể của các tỉnh/thành (hậu quả của chiến tranh, đời sống kinh tế xã hội khó khăn, thường xuyên chịu bão lụt và thiên tai...), một trong những nguyên nhân chủ yếu là cấp Ủy đảng và chính quyền địa phương luôn quan tâm đến hoạt động của các tổ chức PCPNN. Tại những tỉnh thành phố này, lãnh đạo địa phương đều xác định cụ thể cơ quan đầu mối chuyên trách, chọn lọc, bố trí cán bộ đủ trình độ và năng lực tham gia công tác PCPNN cũng như xây dựng định hướng ưu tiên và chiến lược vận động viện trợ PCPNN.

* Phạm Văn Chiến, Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội.

Phân tích hoạt động viện trợ phi Chính phủ ở nước ta trong những năm qua, giới quản lý cho rằng, có được những kết quả nêu ra phần quan trọng là do công tác quản lý nhà nước về hoạt động viện trợ PCPNN dần hoàn thiện; đã hình thành được mạng lưới cơ quan đầu mối về vận động, quản lý hoạt động viện trợ và cơ chế phối hợp liên ngành ở Trung ương và các địa phương đã được tăng cường. Về cơ bản, cơ quan Nhà nước đã quản lý tốt hơn và đánh giá được hiệu quả hoạt động viện trợ của các tổ chức PCPNN. Để làm rõ những nhận xét này, dưới đây là những nội dung cụ thể:

1.1. Về sự hình thành và củng cố hệ thống văn bản pháp quy

Trước yêu cầu tranh thủ tối đa mặt tích cực và hạn chế có hiệu quả những tiêu cực của tổ chức PCPNN; thực hiện chính sách vừa hợp tác vừa đấu tranh, Đảng và Nhà nước ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy liên quan tới công tác vận động viện trợ của tổ chức PCPNN và ở mức độ nhất định đã khuyến khích, động viên những tổ chức này tăng cường viện trợ cho Việt Nam. Trong hệ thống văn bản pháp quy về viện trợ PCPNN được hình thành, đáng chú ý là Quyết định 80/CT ngày 28/3/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Quy chế về hoạt động của các tổ chức PCPNN tại Việt Nam; Quyết định số 340/TTg ngày 24/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Quyết định 340) và Quyết định 64/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (gọi tắt là Quyết định 64). Đây là hệ thống văn bản tạo cơ sở cho công tác vận động và quản lý tốt hoạt động viện trợ của các TCCP.

Hệ thống văn bản Nhà nước với những quy định cụ thể được ban hành tạo cơ chế liên ngành ở Trung ương và các địa phương,

đồng thời cũng mở ra những hướng để chính quyền địa phương và các đối tác có công cụ cần thiết để quản lý hoạt động và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ PCPNN. Việc chỉ đạo, quản lý hoạt động và viện trợ PCPNN về cơ bản được thực hiện theo Quyết định 340 và Quyết định 64 của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, một số cơ quan Trung ương như Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tỉnh, thành phố Hà Nội, Quảng Ngãi, Gia Lai, Điện Biên, Bình Dương, Hà Nam, Bà Rịa Vũng Tàu, Đắk Lắk, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Quảng Nam, Bình Thuận, Yên Bái, Lạng Sơn, Khánh Hoà, Hà Tĩnh, Bến Tre, Lào Cai và Thái Nguyên cũng đã xây dựng và ban hành một số văn bản, quy chế hướng dẫn và định hướng cho các cấp trong ngành hoặc trong tỉnh về quản lý hoạt động, khai thác và sử dụng nguồn tài trợ của các tổ chức PCPNN.

1.2. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành ở Trung ương và địa phương:

Từ những năm đầu 1990, sau Quyết định 80 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, cơ chế phối hợp liên ngành trong công tác quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN đã được hình thành và ngày càng được tăng cường củng cố. Ở Trung ương, Ủy ban công tác về tổ chức PCPNN được thành lập theo Quyết định số 339/TTg ngày 24/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ do Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là cơ quan thường trực. Theo Quyết định số 79/2000/QĐ-TTg ngày 06/7/2000, Thủ tướng Chính phủ đã chuyển giao nhiệm vụ cho một số tổ chức được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng, trong đó có Ủy ban công tác về các tổ chức PCP. Tuy nhiên, xuất phát từ tính chất, yêu cầu của công tác quản lý tổ chức PCPNN, theo đề nghị của Đảng đoàn Liên hiệp và các cơ quan chức năng, ngày 24/4/2001 Thủ tướng Chính phủ đã ban

hành Quyết định số 59/QĐ-TTg thành lập Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN gồm có 9 thành viên, Cơ quan thường trực và giúp việc của Ủy ban là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Ủy ban công tác về tổ chức PCPNN đã xây dựng cơ chế phối hợp những cơ quan có liên quan, tạo được sự phối hợp nhịp nhàng giữa Trung ương với địa phương và giữa các ngành chức năng của địa phương với nhau. Theo đó, nhóm Công tác PCPNN, Tổ Công tác về Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tôn giáo của Ủy ban đã hoạt động tích cực, chủ động đề xuất với Ủy ban giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh trong công tác PCPNN.

Ở hầu hết Bộ, ban ngành, tổ chức nhân dân và trong tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều đã có cơ quan đầu mối, làm nhiệm vụ đôn đốc, theo dõi thực hiện chương trình xúc tiến và quản lý viện trợ PCPNN cũng như quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN trong lĩnh vực, ngành, địa phương phụ trách. Cơ quan đầu mối ở nhiều số Bộ, Ngành đều là Vụ quan hệ quốc tế hay Ban quốc tế; tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cơ quan đầu mối về quản lý viện trợ PCPNN khá đa dạng. 36 tỉnh chỉ định Văn phòng UBND tỉnh hoặc cơ quan Ngoại vụ tỉnh/thành phố là cơ quan đầu mối; ở 12 tỉnh cơ quan đầu mối lại là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh/thành phố, còn 13 tỉnh/thành phố khác, Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan đầu mối. Ngoài tổ chức cơ quan đầu mối, một số tỉnh (Cần Thơ, Hải Phòng, Thái Nguyên, Hà Tĩnh...) còn chính thức hình thành cơ chế phối hợp giữa một số ngành Công an, Tôn giáo, Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính dưới dạng Ban công tác phi chính phủ nhằm tham mưu cho UBND tỉnh trong xử lý một số vấn đề về viện trợ phi chính phủ. Mặc dù hình thức tổ chức còn đa dạng nhưng cơ quan đầu mối của các Bộ, ngành và địa phương cũng đã đóng góp

thiết thực vào công tác quản lý các dự án, quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN trong những năm qua.

Theo cơ chế chung, hàng năm, Ủy ban công tác về tổ chức PCPNN đều tổ chức giao ban với các cơ quan đầu mối về công tác PCPNN ở các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ, ngành, tổ chức nhân dân để đánh giá công tác vận động, sử dụng viện trợ và quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN; cử nhiều đoàn công tác làm việc với các địa phương về công tác này. Trong quá trình xử lý công việc liên quan đến các tổ chức PCPNN, cả 3 mặt liên quan đến vấn đề chính trị, kinh tế và an ninh đều được xem xét và cân nhắc kỹ lưỡng, có cán bộ theo dõi và quản lý chặt chẽ. Theo đó, an ninh quốc gia luôn được đặt lên hàng đầu; Ủy ban công tác về tổ chức PCPNN đã kịp thời kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ không cho phép một số tổ chức PCPNN liên quan đến cách mạng sắc màu ở Đông Âu hoặc liên quan đến hoạt động lật đổ được vào hoạt động tại Việt Nam.

1.3. Tăng cường quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN

Việc quán triệt và thực hiện Quy chế hoạt động của các tổ chức PCPNN tại Việt Nam đã được triển khai tới các cơ quan Trung ương, UBND địa phương và cơ quan đầu mối, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức PCPNN. Tính đến nay, Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã cấp 367 giấy phép hoạt động. Trong số này, có 39 giấy phép lập Văn phòng Đại diện, 61 giấy phép lập Văn phòng Dự án và 265 giấy phép cho các TCPCP thuộc 26 quốc tịch và một số TCPCP quốc tế. Thực tế cho thấy, giấy phép hoạt động đã trở thành cơ sở pháp lý để quản lý và điều chỉnh hoạt động của các tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho những tổ chức hoạt động có hiệu quả đồng thời hạn chế hoặc chấm dứt hoạt động của một số tổ chức phức tạp vì phạm pháp luật, viện trợ không có

hiệu quả hoặc có những hoạt động không phải vì mục đích nhân đạo từ thiện, phi lợi nhuận như hoạt động tôn giáo, con nuôi và các hoạt động tiêu cực khác.

1.4. Tăng cường quản lý việc tiếp nhận, sử dụng viện trợ PCPNN

Cùng với việc quản lý tổ chức PCPNN thông qua giấy phép, các quyết định khác được ban hành như Quyết định 64/2001/QĐ của Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định nguồn viện trợ phi chính phủ là một nguồn thu của Ngân sách nhà nước và được hạch toán quản lý theo phân cấp quy định của Luật Ngân sách nhà nước để giám sát việc sử dụng đúng mục đích, đối tượng và có hiệu quả. Công tác quản lý tài chính được lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo, đặc biệt là sự tham gia của cơ quan tài chính các cấp nhằm từng bước đưa việc tiếp nhận, sử dụng và quản lý nhà nước về tài chính đi vào nền nếp. Đại đa số các tổ chức PCPNN đều áp dụng chế độ kiểm toán quốc tế và kiểm toán nội bộ. Nhiều chủ dự án cho rằng, công tác quản lý tài chính của các tổ chức PCPNN tiến hành chặt chẽ, tỷ mỉ và việc sử dụng tiền hàng viện trợ sai mục đích có xu hướng giảm dần so với những giai đoạn trước đây.

2. Tồn tại và những hạn chế

Mặc dù công tác quản lý hoạt động viện trợ PCPNN đã được quan tâm đúng mức và phát huy được hiệu quả tích cực; song trong thực tiễn vẫn bộc lộ những hạn chế được thể hiện trên các mặt dưới đây:

2.1. Về cơ sở pháp lý quản lý nguồn tài trợ

Cơ sở pháp lý của hoạt động PCPNN là Quy chế về hoạt động của các tổ chức PCPNN tại Việt Nam và Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN. Thời gian qua, những văn bản pháp quy được ban hành đã phát huy hiệu quả nhưng do hệ thống được

xây dựng và thực hiện qua nhiều năm, và hay thay đổi nên đã thể hiện sự thiếu đồng bộ, cần được bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình mới.

Từ năm 1991 đến nay, Chính phủ đã có ba quyết định (80/CT, 28/TTg và 64/TTg) quy định về quan hệ viện trợ với các tổ chức PCP, phân cấp phê duyệt dự án do tổ chức PCP tài trợ và hai Quyết định (339/TTg và 59/TTg) về việc thành lập Ủy ban công tác về các tổ chức PCP và Ủy ban công tác về các tổ chức PCP nước ngoài dẫn tới những thay đổi về mặt tổ chức, đôi khi mất công cụ pháp lý trong quản lý hoạt động của các tổ chức PCP, đặc biệt là các tổ chức PCP phức tạp tại những vùng nhạy cảm, gây đảo lộn về nhân sự, tổ chức và những khó khăn cho cơ quan địa phương trong phân công nhiệm vụ, tác động không tốt tới công tác vận động và khó khăn trong công tác phối hợp quản lý các tổ chức PCP

2.2. Những yếu kém trong quản trị và chấp hành văn bản pháp quy

Do nhận thức chưa thống nhất và hạn chế, thiếu quan tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN của một số bộ, ban, ngành, địa phương và tổ chức nhân dân đã dẫn đến tình trạng kém hiệu quả trong quản lý và sử dụng viện trợ cũng như để xảy ra tình trạng một số tổ chức PCPNN và cá nhân vi phạm pháp luật và các quy định liên quan đến hoạt động PCPNN tại Việt Nam. Thực tế quản lý cũng cho thấy, giấy phép do Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài cấp cho các tổ chức PCPNN hoạt động tại Việt Nam đã trở thành cơ sở pháp lý quan trọng để quản lý và điều chỉnh hoạt động của các tổ chức, đã hạn chế được hoạt động của một số tổ chức phức tạp, vi phạm pháp luật, viện trợ không hiệu quả hoặc có những hoạt động không vì mục đích nhân đạo, từ thiện. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng tổ chức PCPNN hoạt động tại địa phương

chưa đăng ký cấp phép; có những đơn vị tiếp nhận dự án viện trợ chưa được phê duyệt, hoặc không thực hiện đầy đủ việc báo cáo cho các cơ quan chức năng theo quy định. Ngược lại, một số nơi lại quá cứng nhắc trong quan hệ với các tổ chức PCPNN, thiếu tính chủ động và linh hoạt do vậy chưa tranh thủ được nguồn viện trợ này.

Tại các địa phương, lãnh đạo một số Sở, ngành chưa kịp thời cập nhật Quy chế hoạt động của tổ chức PCP Việt Nam theo Quyết định 64... dẫn đến tiếp nhận dự án của các tổ chức PCP chưa được phép hoạt động tại địa phương, không hướng dẫn được tổ chức PCP trong thực hiện các qui định về nộp hồ sơ xin giấy phép hoặc không kiểm tra giấy phép đối với tổ chức PCP về hoạt động tại địa phương.

Trong thực hiện quy trình, thủ tục phê duyệt dự án theo Quyết định 64 có nhiều mặt thiếu nghiêm túc; một số địa phương chỉ quan tâm đến nguồn tài trợ của các tổ chức PCPNN, ít chú ý đến các hoạt động khác, đã tạo kẽ hở góp phần vào việc tổ chức PCP không thực hiện nghiêm chỉnh các qui định pháp luật cũng như điều kiện để hoạt động ngoài hành lang pháp lý của một số tổ chức nước ngoài.

2.3. Tồn tại trong quản lý tài chính nguồn viện trợ của các tổ chức PCP

Nhìn chung, công tác quản lý nhà nước về tài chính được cải thiện song vẫn còn một số Bộ, ngành, địa phương vẫn để ngoài ngân sách nguồn thu viện trợ không hoàn lại này. Không ít địa phương sau khi phê duyệt dự án chỉ gửi cho cơ quan tổng hợp Trung ương quyết định phê duyệt dự án mà không gửi đầy đủ hồ sơ dự án theo qui định; không tiến hành các thủ tục phê duyệt dự án theo qui định hoặc có quyết định phê duyệt dự án nhưng không gửi cho các cơ quan tổng hợp Trung ương. Đối với viện trợ phi dự án, một số ngành, địa phương không trao đổi kỹ với

bên tài trợ, vẫn ghi nhận các loại hàng cấm hoặc hạn chế nhập khẩu (như quần áo cũ, ô tô cũ...) dẫn tới việc nhiều lô hàng tới cảng Việt Nam không có xác nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền của bên tài trợ, nhiều hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt không đầy đủ thủ tục... còn phía cơ quan quản lý ở Trung ương lại chưa đệ trình các biện pháp chế tài thích đáng đối với những trường hợp này.

Tại một số tỉnh, cơ quan tài chính chưa tích cực thực hiện chức năng quản lý tiền và hàng viện trợ; mặt khác tổ chức địa phương nhận viện trợ lại không thực hiện các thủ tục ghi thu, ghi chi ngân sách... dẫn tới tình trạng chênh lệch đáng kể về thống kê viện trợ hàng năm giữa Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ kế hoạch Đầu tư.

2.4. Về tổ chức và nhân sự của cơ quan đầu mối viện trợ phi chính phủ

Tại những Bộ có nhiều quan hệ với tổ chức PCP, việc chỉ định cơ quan đầu mối (cấp Vụ, Ban) chưa rõ ràng, một số Vụ trong cùng một cơ quan đều cho mình là đầu mối, có Bộ chưa rõ ai làm đầu mối và gần như bỏ qua chức năng quản lý viện trợ tại các cơ quan trực thuộc của mình dẫn tới tình trạng tổ chức PCP triển khai viện trợ, làm việc với lãnh đạo Bộ, ngành hay UBND tỉnh nhưng cơ quan đầu mối không nắm được. Một số tỉnh chưa nhận thức đầy đủ về vị trí vai trò cơ quan đầu mối về viện trợ phi chính phủ, dẫn tới tình trạng luôn thay đổi, không có văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện làm việc. Cùng với hạn chế về tổ chức đầu mối, sự phối hợp giữa các Bộ, ngành Trung ương khi giới thiệu các tổ chức PCPNN hoặc triển khai dự án tại các địa phương lại thiếu chặt chẽ đã dẫn đến tình trạng không ít dự án triển khai tại các địa phương nhưng không có sự phối hợp với chính quyền địa phương đã tạo khó khăn trong công tác quản lý hoặc không

nghiêm túc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong quan hệ với các tổ chức thuộc dạng không được phép hoạt động tại Việt Nam.

2.5. Công tác quản lý người Việt Nam làm việc cho các tổ chức PCPNN

Tình trạng chưa gắn với quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN còn diễn ra khá phổ biến. Nhiều chính sách và quy chế quản lý hoạt động viện trợ, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức PCP, các quy định về nhập cảnh đối với người nước ngoài...chưa phổ biến kịp thời và thấu đáo cho lao động là người Việt Nam làm việc cho các tổ chức PCP. Chưa có sự phối hợp giữa cơ quan quản lý hoạt động viện trợ với cơ quan tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam; số đông người Việt làm việc cho các tổ chức PCP theo hình thức chuyên gia tư vấn ngắn hạn hầu như không được quản lý.

3. Một số giải pháp cần quan tâm

Từ phương hướng “... hoàn thiện môi trường pháp lý, tăng cường công tác quản lý hoạt động viện trợ, tận dụng những mặt tích cực, giảm thiểu những mặt tiêu cực, đảm bảo an ninh trong công tác viện trợ đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng và quản lý nguồn tài trợ do tổ chức PCP cung cấp” Giải pháp chính trong quản lý hoạt động viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài có thể tập trung vào những nội dung dưới đây:

- Tiếp tục phổ biến, quán triệt và yêu cầu thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động của tổ chức PCPNN tại Việt Nam cho các Bộ, ban ngành, tổ chức nhân dân, các cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện.

- Thống nhất quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN, quản lý dự án viện trợ và quản lý nhân viên làm việc cho các tổ chức PCPNN (cả nhân viên nước ngoài và nhân viên Việt

Nam) thông qua một cơ quan quản lý là Ủy ban Công tác về TCPCPNN. Việc quản lý cần thực hiện đồng bộ, thống nhất; không để tình trạng các đơn vị, tổ chức cấp dưới, nhất là các huyện/quận hoặc cơ sở quan hệ trực tiếp với tổ chức PCPNN mà không báo cáo với tổ chức quản lý là cơ quan đầu mối của các Bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh.

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy liên quan tới hoạt động; sử dụng và quản lý viện trợ phi chính phủ phù hợp với thực tế; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức PCPNN Thống nhất quản lý hoạt động viện trợ ở các cấp; chấn chỉnh việc thực hiện nghiêm túc Quyết định 64, có giải pháp để tăng cường hơn nữa việc phối hợp giữa cơ quan quản lý tổ chức PCPNN và các cơ quan quản lý lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức PCPNN.

Khuyến khích việc mở rộng hoạt động viện trợ trên cơ sở phân loại các tổ chức PCPNN theo loại hình, cách thức và mức độ quản lý để xác định những tổ chức được phép hoạt động, tổ chức hạn chế hoạt động, không cho mở rộng địa bàn, lĩnh vực hoạt động; các tổ chức không khuyến khích hoặc không nên cho tiếp tục hoạt động vì các lí do như an ninh, tôn giáo, dân tộc hoặc những đầu mối dịch vụ con nuôi.

Tiếp tục củng cố cơ chế và tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan ở Trung ương; giữa Trung ương với địa phương trong vận động và quản lý hoạt động viện trợ. Xác định rõ cơ quan đầu mối, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa cơ quan đầu mối tại các Bộ, ban ngành và địa phương; bố trí đủ cán bộ có năng lực cho các cơ quan này nhằm tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động của tổ chức PCP, kiểm tra việc quản lý, sử dụng viện trợ của các tổ chức PCP, đảm bảo cơ quan đầu mối nắm được hoạt động của các tổ chức PCP.